

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;

2. Bà Dương Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh T Đ N, sinh năm 1998.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn K P, xã B M, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn K P, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị T T M, sinh năm 2004.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn K P, xã B M, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn K P, xã S C, tỉnh Lào Cai);

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn C D C, xã B H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của anh T Đ N, bản tự khai nguyên đơn anh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T T M về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 13/02/2023 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B M, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã S C, tỉnh Lào Cai). Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 3/2024 chị M tự ý bỏ đi không hỏi ý kiến của anh, anh có gọi điện cho chị M về nhưng chị M không về, từ tháng 03 năm

2024 cho đến nay giữa anh và chị M sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, anh khuyên giải, thuyết phục chị M quay về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị M không nghe. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm và không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 3 năm 2024 đến nay tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T T M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 (một) người con chung là cháu T T T H, sinh ngày 02/11/2023 cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với anh do anh trực tiếp nuôi dưỡng mà chị M không quan tâm đến con. Khi ly hôn nguyện vọng của anh là yêu cầu Tòa án giải quyết cho được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh là lao động chính có việc làm, thu nhập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản; về quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố đẻ của chị M là ông T A L, ông L cam kết sẽ thông tin lại toàn bộ nội dung của các văn bản tố tụng cho chị M biết. Tuy nhiên chị M không có ý kiến gì về việc anh N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, và nguyện vọng của anh N được trực tiếp nuôi cháu H khi ly hôn. Khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ nhất, lần thứ hai chị M không có mặt nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải được vụ án và ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thông báo cho bị đơn theo quy định. Tòa án mở phiên tòa lần 1 vào ngày 18 tháng 9 năm 2025 nhưng chị M vắng mặt nên đã ra quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên tòa vào ngày 26 tháng 9 năm 2025 nhưng chị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố

tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh T Đ N được ly hôn chị T T M.

- Về con chung: Giao cháu T T T H sinh ngày 02/11/2023 cho anh T Đ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị T T M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, chị M có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại thôn K P, xã B M, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (nay là xã S C, tỉnh Lào Cai), sau khi Tòa án thụ lý vụ án làm việc với thôn và xã S C xác định được chị M về ở với bố đẻ là ông T A L tại địa chỉ thôn C D C, xã B H, tỉnh Lào Cai (ông L và bà T là bố mẹ của chị M đã ly hôn) do vậy vụ án do Tòa án nhân dân huyện S M C, nay là Tòa án nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, đưa vụ án ra xét xử nhưng tất cả những lần triệu tập bị đơn đều vắng mặt, tại phiên tòa mở lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh N và chị M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022, đến ngày 13/2/2023 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B M, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã S C, tỉnh Lào Cai) việc đăng ký kết hôn của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M tự ý bỏ nhà đi không có lý do, không hỏi ý kiến của anh N, anh N có gọi điện cho chị M khuyên chị quay về đoàn tụ nhưng chị không về. Đến nay tình nghĩa vợ chồng giữa anh N và chị M không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng sống ly thân bỏ mặc nhau mỗi người một nơi từ tháng 03/2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị M không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Anh N và chị M có với nhau 01 (một) người con chung là cháu T T T H sinh ngày 02/11/2023 cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh N là lao động chính có thu nhập, hiện đang làm nhân viên cho Công ty cổ phần thiết bị điện TNC tại phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội có thu nhập trong 03 tháng (tháng 6/2025 được 9.225.000 đồng, tháng 7 được 9.347.000 đồng, tháng 8 được 9.347.000 đồng), sau khi sinh cháu H ra được một thời gian chị M tự ý bỏ đi và không quan tâm đến con, để anh N trực tiếp nuôi con khi cháu còn nhỏ tuổi, chị M bỏ nhà đi nơi khác thỉnh thoảng mới trở về, không quan tâm đến con, khi chị M bỏ đi thì anh N vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Mặc dù cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng việc chị M bỏ bê con và không quan tâm đến con, hiện tại cháu H do anh N cùng ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét đến quyền lợi về mọi mặt của con, yêu cầu của đương sự, việc bỏ bê đối với con của chị M và để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu nên cần giao cháu H cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi khi ly hôn là phù hợp với các quy định khác của pháp luật. Sau này nếu chị H có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H có thể khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Anh T Đ N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng trong vụ án này.

[5]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị M không có ý kiến trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Anh T Đ N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; các Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh T Đ N được ly hôn với chị T T M.

Quan hệ hôn nhân của anh T Đ N và chị T T M chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Xử giao cháu T T T H sinh ngày 02/11/2023 cho anh T Đ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho

đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị T T M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh T Đ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001938 ngày 04/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S M C, tỉnh Lào Cai (nay là Phòng thi hành án dân sự KHU VỰC X, tỉnh Lào Cai). Anh T Đ N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KHU VỰC X-Lào Cai (2);
- Phòng THA dân sự KV 9 - Lào Cai;
- UBND xã S C, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

